

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM RICH BEAUTY VIỆT NAM
Xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên

CHI CỤC CHẤT LƯỢNG
CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

ĐẾN Số: 347
Ngày: 15/9/2026
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM:
CÁ MAI TÂM BỘT ĐÔNG LẠNH
SỐ TCB: 01/CBCTB-RB/2026**

Danh mục hồ sơ đính kèm gồm:

1. Bản tự công bố sản phẩm (bản chính);
2. Mẫu nhãn dự kiến (bản chính);
3. Kết quả kiểm nghiệm sản phẩm (bản sao);
4. Đăng kí kinh doanh (bản sao);
5. Chứng nhận HACCP (bản sao).

Hưng Yên, năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số TCB: 01/CBCTB-RB/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM RICH BEAUTY VIỆT NAM.

Địa chỉ: Khu cảng cá Tân Sơn, thôn Quang Lang Đoài, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 0227 3 712966

Fax: 0227 3 712965

E-mail: dungta@richbeautyfood.com

Mã số doanh nghiệp: 1000390802

Giấy chứng nhận hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát tới hạn HACCP số 119/FSMS do Trung tâm chất lượng, chế biến và phát triển thị trường vùng 1 cấp ngày 09 tháng 04 năm 2026.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. **Tên sản phẩm:** Cá Mai tẩm bột đông lạnh.

2. **Thành phần:** Cá Mai 60%; Bột mỳ cà 27.5%; Bột khô 5.6%; Nước: 5.8%; Bột nước 1%; Muối 0.1%.

3. **Thời hạn sử dụng sản phẩm:** 18 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trực tiếp trên bao bì sản phẩm....

4. **Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- **Quy cách đóng gói:** Sản phẩm được bao gói trong khay nhựa PS và/hoặc túi PA/PE, khối lượng tịnh là 500g/khay, 500g/túi, 1kg/túi hoặc đóng gói với khối lượng khác theo yêu cầu của khách hàng.

- **Chất liệu bao bì:** Bao bì trực tiếp là khay nhựa PS và túi PA/PE. Vật liệu bao gói đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia **QCVN 12-1:2011/BYT** về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (*trường hợp thuê cơ sở sản xuất*):

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

1. Công ty TNHH thực phẩm Rich Beauty Việt Nam cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm đáp ứng các quy chuẩn, quy định pháp luật hiện hành về an toàn thực phẩm.

- **Quy chuẩn Việt Nam 8-1:2011/BYT** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- **Quy chuẩn Việt Nam 8-2:2011/BYT** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- **Quy chuẩn Việt Nam 8-3:2012/BYT** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- **Nghị định 37/2026/NĐ-CP** Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
- **Thông tư 30/2026/TT-BYT** về hướng dẫn ghi thành phần dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.
- **Nghị định số 15/2018/NĐ-CP** của Chính phủ: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

2. Yêu cầu kỹ thuật: xem Phụ lục kèm theo.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hung Yên, ngày 11 tháng 09 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Lê Thị Dung

0003
C
T
H
U
I
C
H
V
I
E
T
T

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
PHỤ LỤC: YÊU CẦU KỸ THUẬT

1. Các chỉ tiêu cảm quan

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dạng cá tắm bột xù, tách rời từng con, không dính kết.
2	Màu sắc	Màu trắng tự nhiên của lớp bột xù.
3	Mùi, vị	Mùi vị đặc trưng của cá tắm bột, không có mùi hôi, mùi lạ.

2. Các chỉ tiêu an toàn:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Vi sinh vật		
	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^6
	Escherichia coli (E.coli)	CFU/g	10^2
	Staphylococcus aureus	CFU/g	10^2
	Salmonella	/25G	Không cho phép
	Nấm men và nấm mốc	CFU/g	10^3
2	Kim loại nặng		
	Chì (Pb)	mg/kg	0.05
	Cadmi (Cd)	mg/kg	0.3
	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0.5
	Methyl thủy ngân (MeHg)	mg/kg	0.5
3	Độc tố nấm		
	Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)	$\mu\text{g/kg}$	4
	Aflatoxin B1	$\mu\text{g/kg}$	2
	Ochratoxin A	$\mu\text{g/kg}$	3
	Deoxynivalenol	$\mu\text{g/kg}$	500
	Zearalenone	$\mu\text{g/kg}$	50
4	Hóa học		
	Chloramphenicol.	$\mu\text{g/kg}$	Không cho phép

3. Thông tin dinh dưỡng

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị trên nhãn sản phẩm	Mức công bố
1	Năng lượng (Energy)	Kcal/100g	123	98.4 – 147.6

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị trên nhân sản phẩm	Mức công bố
	Chất đạm (Protein)	g/100g	13.2	10.56 – 15.84
	Carbohydrat	g/100g	14.6	11.68 – 17.52
	Chất béo (Total Fat)	g/100g	1.36	1.08 – 1.63
	Chất béo bão hòa (Saturated fat)	g/100g	0.66	0.52 – 0.79
	Natri (Sodium)	mg	228	182.4 – 273.6

02
 3 TY
 .H
 HÃ
 AL
 IAN
 T. W

MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN
(Đình kèm bản tự công bố số: 01/CBCTB-RB/2026)

1. Tem dán thùng dự thảo:

TÊN HÀNG HÓA	CÁ MAI TẮM BỘT ĐÔNG LẠNH
THÀNH PHẦN	CÁ MAI 60%; BỘT MỠ CÀ 27.5%; BỘT KHÔ 5.6%; NƯỚC: 5.8%; BỘT NƯỚC 1%; MUỐI 0.1%.
XUẤT XỨ	VIỆT NAM
KHỐI LƯỢNG TỊNH	KG/THÙNG
QUY CÁCH	 G/TÚI x TÚI/THÙNG
NHIỆT ĐỘ BẢO QUẢN	≤ -18°C
ĐƠN VỊ SẢN XUẤT VÀ CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM	CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM RICH BEAUTY VIỆT NAM
ĐỊA CHỈ	KHU CẢNG CÁ TÂN SƠN, THÔN QUANG LANG ĐOÀI, XÃ THÁI THỤY, TỈNH HƯNG YÊN.
ĐƠN VỊ PHÂN PHỐI	CÔNG TY CỔ PHẦN FGC
ĐỊA CHỈ	SỐ 67.LOUIS XII - LK45, KẾT MỚI HOÀNG VĂN THỤ, ĐƯỜNG LOUIS XII, P. HOÀNG MAI, TP HÀ NỘI.
NGÀY SẢN XUẤT	DD/MM/YYYY
HẠN SỬ DỤNG	18 THÁNG KỂ TỪ NSX.

C.I.T.I.
M
TY
1
ONG YEN

2. Tem phụ dán khay/túi dự thảo:

CÁ MAI TÂM BỘT ĐÔNG LẠNH

Thành phần: Cá Mai 60%; Bột mỳ cà 27.5%; Bột khô 5.6%; Nước: 5.8%; Bột nước 1%; Muối 0.1%.

Khối lượng tịnh:g/túi

Hướng dẫn sử dụng: Không cần rửa đông, chiên ngập dầu (160-170°C) trong khoảng 2-3 phút cho đến khi vàng giòn.

Bảo quản: Nhiệt độ $\leq -18^{\circ}\text{C}$ hoặc ngăn đá tủ lạnh.

Ngày sản xuất: xem trên bao bì sản phẩm.

Số TCB: 01/CBCTB-RB/2026

Hạn sử dụng: 18 tháng kể từ ngày sản xuất.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng, hoặc có dấu hiệu mốc, hỏng, có mùi vị lạ. Sản phẩm đã đông không tái cấp đông lại.

Phân phối: Công ty Cổ phần FGC.

Địa chỉ: Số 67.Louis XII – LK 45, Khu đô thị mới Hoàng Văn Thụ, đường Louis XII, Phường Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Sản xuất và chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm:
Công ty TNHH thực phẩm Rich Beauty Việt Nam.

Địa chỉ: Khu cảng cá Tân Sơn, thôn Quang Lang Đoài, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Xuất xứ: Việt Nam.

Thành phần dinh dưỡng / 100g	Mức công bố
Hàm lượng Carbohydrat	14.6g
Hàm lượng Chất béo	1.36g
Hàm lượng Chất đạm	13.2g
Năng lượng	123kcal
Hàm lượng chất béo bão hòa	0.66g
Hàm lượng Natri	228mg

Testing Report / Phiếu kết quả thử nghiệm

Client's name (Tên khách hàng) : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM RICH BEAUTY VIỆT NAM
Name of sample provided by client : Cá mai tẩm bột đông lạnh
(Tên mẫu được khách hàng cung cấp)
Sample description (Mô tả mẫu) : Sample in plastic bag/Mẫu đựng trong túi nhựa
Source of sample (Nguồn mẫu) : Sample was submitted by client/
Mẫu thử nghiệm được gửi bởi khách hàng
Date of receiving (Ngày nhận mẫu) : 19-Aug-2026
Date of testing (Ngày thử nghiệm) : 19-Aug-2026

Testing Results / Kết quả thử nghiệm

No./STT	Parameters / Chỉ tiêu	Unit / Đơn vị	Result / Kết quả	LOD / Giới hạn phát hiện	Method / Phương pháp
1	Aflatoxin (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	Not detected Không phát hiện	1.00	FST-WI01 Chapter 14-2 (2022) (LC-MS/MS)
2	Aflatoxin B1	µg/kg	Not detected Không phát hiện	1.00	FST-WI01 Chapter 14-2 (2022) (LC-MS/MS)
3	Deoxynivalenol	µg/kg	25.1	10.0	FST-WI01 chapter 39-2 (2024) (LC-MS/MS)
4	Ochratoxin A	µg/kg	Not detected Không phát hiện	0.50	FST-WI01 chapter 39-2 (2024) (LC-MS/MS)
5	Zearalenone	µg/kg	Not detected Không phát hiện	10.0	FST-WI01 chapter 39-2 (2024) (LC-MS/MS)
6	Chloramphenicol	µg/kg	Not detected Không phát hiện	0.01	FST-WI01 chapter 01 (2025) (Ref. FDA LIB 4306) (LC-MS/MS)
7	Methyl mercury content/ Hàm lượng Methyl thủy ngân ^(Δ)	mg/kg	Not detected Không phát hiện	0.07	FST-WI06 chapter 20 (2023) (Ref. AOAC 988.11) (GC/µECD)
8	Cadmium (Cd) content/ Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	Not detected Không phát hiện	0.005	AOAC 999.11 (AAS)
9	Lead (Pb) content/ Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	Not detected Không phát hiện	0.02	AOAC 999.11 (AAS)
10	Mercury (Hg) content/ Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/kg	Not detected Không phát hiện	0.008	FST-WI04 chapter 02 (2022) (Ref. AOAC 974.14) (AAS)
11	E.coli	CFU/g	<10	-	ISO 16649-2: 2001

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at <http://www.intertek.com/terms>.

Intertek Vietnam Limited

Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn



Effective date: 04/11/2025

WON: FST260829535-1
Date/ Ngày: 28-Aug-2026

VILAS 278

No./ STT	Parameters / Chỉ tiêu	Unit / Đơn vị	Result / Kết quả	LOD / Giới hạn phát hiện	Method / Phương pháp
12	Salmonella spp.	/25g	Not detected Không phát hiện	-	ISO 6579-1:2017/Amd1:2020
13	Staphylococcus aureus	CFU/g	<10	-	AOAC 975.55
14	TPC (30°C)/ Tổng số vi sinh vật hiếu khí (30°C)	CFU/g	8.8x10 ³	-	ISO 4833-1:2013/Amd1:2022
15	Yeasts and Moulds/ Nấm men và nấm mốc	CFU/g	3.9x10 ²	-	ISO 21527-1: 2008

Note/ Ghi chú:

1. This testing result is only valid on tested sample/ Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2. LOD: Limit of detection/ Giới hạn phát hiện.
3. All parameters were accredited ISO/IEC 17025 by BoA or AOSC (symbol (Δ)) after the parameters are accredited ISO/IEC 17025 by AOSC, except for the parameters marked with an asterisk (*)/ Tất cả các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025 bởi BoA hoặc AOSC (ký hiệu (Δ)) sau chỉ tiêu là được công nhận ISO/IEC 17025 bởi AOSC, ngoại trừ những chỉ tiêu được đánh dấu (*).
4. According to the test method of Microbiology, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony/ Theo Phương pháp thử của vi sinh, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.

On behalf of Intertek Vietnam - Cantho branch

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: **07-23** Nguyên số: **.....** SCT/LS

Ngày: **07-09-2023**

Director/ Giám đốc



Cao Viết Thanh

**Người thực hiện chứng thực ký,
ghi rõ họ, tên và đóng dấu**



CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Thị Hiền

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at <http://www.intertek.com/terms>.

Intertek Vietnam Limited

Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam

HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward,

FOP24.07 Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887

Email: cs.cantho@intertek.com

Website: www.intertek.com / www.intertek.vn



Effective date: 04/11/2025

Client's name (Tên khách hàng)	: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM RICH BEAUTY VIỆT NAM
Name of sample provided by client (Tên mẫu được khách hàng cung cấp)	: Cá mai tẩm bột đông lạnh
Sample description (Mô tả mẫu)	: Sample in plastic bag/Mẫu đựng trong túi nhựa
Source of sample (Nguồn mẫu)	: Sample was submitted by client/ Mẫu thử nghiệm được gửi bởi khách hàng
Date of receiving (Ngày nhận mẫu)	: 19-Aug-2026
Date of testing (Ngày thử nghiệm)	: 19-Aug-2026

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG V

Số chứng thực: 6723; Quyển số: 8CT/L

Ngày: 07-09-2023
Method /
Phương pháp

No./ STT	Parameters / Chỉ tiêu	Unit / Đơn vị	Result / Kết quả	Ngày: 07-09-2023 Method / Phương pháp
1	Energy/ Năng lượng ^(Δ)	kcal/100g	123 (%NRV=6)	FST-WI08 chapter 111
2	Protein content (N*6.25)/ Hàm lượng đạm (N*6.25)	g/100g	13.2 (%NRV=26)	AOAC 940.25
3	Available Carbohydrate/ Hàm lượng Carbohydrate hữu hiệu ^(Δ)	g/100g	14.6 (%NRV=4)	FAO Food and Nutrition paper 77 chapter 2/ section 2.3:2003
4	Fat content/ Hàm lượng béo	g/100g	1.36 (%NRV=2)	AOAC 948.15
5	Saturated fat content/ Hàm lượng chất béo bão hòa	g/100g	0.66 (%NRV=3)	FST-WI06 chapter 32 (2022) (Ref. AOAC 996.06) (GC/MS)
6	Sodium (Na) content/ Hàm lượng Natri (Na)	mg/100g	228 (%NRV=11)	FST-WI04 chapter 32 (2022) (Ref. AOAC 985.35) (AAS)

1. This testing result is only valid on tested sample/ Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2. All parameters were accredited ISO/IEC 17025 by BoA or AOSC (symbol Δ) after the parameters are accredited ISO/IEC 17025 by AOSC), except for the parameters marked with an asterisk (*)/ Tất cả các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025 bởi BoA hoặc AOSC (ký hiệu Δ) sau chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025 bởi AOSC), ngoại trừ những chỉ tiêu được đánh dấu (*).

On behalf of Intertek Vietnam - Cantho branch
Director/ *Giám Đốc*

Director/ Giám Đốc

QTY 1.00
UNIT

RTK 4

NAME WILLIAM

HANH

Cao Kiệt Thanh

CÂN TH

VIÊN

34 Dec 19

and benefit of the addressee(s) and

distributed or communicated to any
 care to any third party in respect

of service which is available on

Tel.: (84-292) 730 8088 -

Email: cs.cantho@intertek.com

Website: www.intertek.com





VILAS 278

WON: FST260829535-1
Date/ Ngày: 28-Aug-2026

Testing Results / Kết quả kiểm nghiệm

Nutrition Information (Circular 30/2026/TT-BYT - Vietnam format)/
Thông tin Dinh dưỡng (Thông tư 30/2026/TT-BYT - định dạng Việt Nam)

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100g		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng (Energy)	123	kcal	6 %
Chất đạm (Protein)	13.2	g	26 %
Carbohydrat (Carbohydrate)	14.6	g	4 %
Chất béo (Total Fat)	1.36	g	2 %
Chất béo bão hòa (Saturated Fat)	0.66	g	3 %
Natri (Sodium)	228	mg	11 %
% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong 100 g hoặc 100 ml thực phẩm.			



This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at <http://www.intertek.com/terms>.

Intertek Vietnam Limited

Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho
Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam

HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward,
Ho Chi Minh City, Vietnam

FOP24.07

Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn



Effective date: 04/11/2025

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH HƯNG YÊN
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 1000390802

Đăng ký lần đầu: ngày 12 tháng 05 năm 2006

Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 09 tháng 09 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM RICH BEAUTY VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM RICH BEAUTY FOOD COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: RB CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Khu cảng cá Tân Sơn, thôn Quang Lang Đoài, Xã Thái Thụy, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 02273.712.966

Số Fax:

Thư điện tử:

Website:

3. Vốn điều lệ : 80.500.000.000 đồng.

Bằng chữ: Tám mươi tỷ năm trăm triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ, chữ đệm và tên: HUANG WEN HSIUNG

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 08/02/1956

Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan)

Số Hộ chiếu, Hộ chiếu nước ngoài, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài: 368897919

Ngày cấp: 25/07/2025

Nơi cấp: Bộ ngoại giao Đài Loan

Địa chỉ liên lạc: *Khu cảng cá Tân Sơn, thôn Quang Lang Đoài, Xã Thái Thụy, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty



GIÁM ĐỐC

Lê Thị Dung

* Họ, chữ đệm và tên: TẠ THỊ DUNG

Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 01/08/1989

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 034189011137

Chức danh: Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: Thôn Phú Bắc, Xã Đông Quan, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Thị Phương



TRUNG TÂM CHẤT LƯỢNG, CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG VÙNG 1
NATIONAL AUTHORITY FOR AGRO-FORESTRY-FISHERY QUALITY,
PROCESSING AND MARKET DEVELOPMENT - CENTER 1

GIẤY CHỨNG NHẬN
Certificate

Số/No: 119/FSMS

Chứng nhận hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP) của
This is to certify hazard analysis and critical control points systems (HACCP) of
CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM RICH BEAUTY VIỆT NAM
VIETNAM RICH BEAUTY FOOD COMPANY LIMITED

Địa chỉ: Khu cảng cá Tân Sơn, thôn Quang Lang Đoài, xã Thái Thụy,
tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
*Address: Tan Son fish harbour, Quang Lang Doai village, Thai Thuy commune,
Hung Yen province, Viet Nam*

MÃ SỐ CHỨNG NHẬN/CERTIFICATION NUMBER:

HACCP-NAFI1-031

Được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn
Has been assessed and found to conform with the requirements of following standard:

HACCP Codex 2020

Cho lĩnh vực (mã loại hình chuỗi thực phẩm: CI)/

For the following activities: (Category: CI)

Chế biến thủy sản (tôm, cá, mực) đông lạnh

Processing of seafood: frozen shrimp, frozen fish, frozen squid



Ngày: 09/4/2026

Hiệu lực chứng nhận: 22/3/2027

Giấy chứng nhận này có giá trị đến ngày 22/3/2027



Địa chỉ: số 51 Lê Lai, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
ĐT: 0225 3827139; Email: chatluong.nafil@mae.gov.vn; Website: <https://nafiqad1.vn>

BM.QT08-CCPT1.21

Sửa đổi: 02.020725

Trang 1/1

